TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/ HNGĐ- PT.
Ngày: 15/1/ 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.***
Các Thẩm phán : ***Ông Nguyễn Vũ Đông***
Bà Bùi thị Thu Hồng
-Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên toà : ***Bà Đinh Thuý Hương*** .
*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội****: Bà Phạm thị Thu - KSV***

Ngày 15 tháng 1 năm 2019 , tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 196/2018/TLPT - HNGĐ ngày 4 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: ly hôn .

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2018/ HNGĐ – ST, ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình bị kháng cáo .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 330/2018/QĐPT – HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu T **sinh năm 1984**;
Bị đơn: Anh Vũ Tiến S **sinh năm 1970;**
Cùng trú tại: số 5 ngõ 94 phố Ngọc Hà – Phường Đội Cấn , Ba Đình , Hà Nội.
Chị T , anh S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại cấp sơ thẩm chị Nguyễn Thu T trình bày :

Chị Nguyễn Thu T và anh Vũ Tiến S có tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 6 năm 2007 tại UBND phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, sống không hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình nội ngoại đã biết mâu thuẫn của vợ chồng và đã giảng hòa nhưng không có kết quả. Khi mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay nhưng vẫn ở chung một nhà. Nay chị T không còn tình cảm với anh S, nên đề nghị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Kha Đăng, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007 và cháu Vũ Mai Chi, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2009. Khi ly hôn chị T xin nuôi cháu Chi , anh S nuôi cháu Đăng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị tự lo về nhà ở.

Về vay nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

* ***Tại cấp sơ thẩm anh Vũ Tiến S trình bày như sau:***

Anh Vũ Tiến S và chị Nguyễn Thu T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 6 năm 2007 tại UBND phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống tại số 5, ngõ 94, phố Ngọc Hà, phường Đội Cấn, quận Ba Đình. Trong quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn, vợ chồng chưa ly thân, do anh S công tác tại Quảng Ninh nên thường xuyên phải vắng nhà, chỉ cuối tuần mới về nhà, anh S vẫn chăm sóc vợ và đưa đón các con đi học chu đáo, nay chị T làm đơn xin ly hôn anh S không đồng ý, vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Hai bên vẫn ăn chung , ở chung một nhà.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Kha Đăng và cháu Vũ Mai Chi. Theo anh S việc các cháu muốn ở với ai là theo nguyện vọng các cháu và không muốn các cháu ở xa nhau.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh S xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2018/ HNGĐ – ST, ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Bà Đình đã quyết định như sau :

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thu T;

Chị Nguyễn Thu T được ly hôn với anh Vũ Tiến S.

2. Về con chung: Giao cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Kha Đăng, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2007; giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

và giáo dục cháu Vũ Mai Chi, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2009 kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Chị T, anh S không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh S xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét;

4. Về vay nợ chung: Chị T, anh S xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Sau khi xét xử sơ thẩm anh S kháng cáo toàn bộ bản án .

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Chị T trình bày : Chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì chị T hết tình cảm đối với anh S , đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh S trình bày :

- Mẹ đẻ anh S là bà Nguyễn thị Sinh , bà Phan thị Tuyến là người giúp việc. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm anh S không nhận được Thông báo hoà giải, do vậy anh S không thể tham gia các buổi hoà giải tại Toà án. Ngày 22/8/2018 anh S nhận Thông báo thụ lý vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử , và ngày 23/8/2018 Toà án sơ thẩm mở phiên toà lân thứ 1, do vậy anh S không có thời gian chuẩn bị cũng như thời gian để vợ chồng ngồi nói chuyện với nhau.

- Trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh chị vẫn quan tâm chăm sóc các con và gia đình, ngày 2/9/2018 anh chị cùng các con đi nghỉ ở Vinperl Quảng Ninh , anh chị vẫn sống chung một nhà , ăn chung , kinh tế chung . Anh S tha thiết đề nghị Toà án cho anh chị một thời gian để anh chị quan tâm chia sẻ với nhau hơn nữa nhằm mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình. Do vậy anh S không đồng ý ly hôn.

- Về con chung : Nếu phải ly hôn anh S đồng ý về việc mỗi người nuôi 1 con.

- Về tài sản , nhà ở , công nợ : Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của anh S trong thời hạn Luật định.

Về thủ tục tố tụng : Các tài liệu có trong hồ sơ chưa thể hiện anh S có nhận được các văn bản tố tụng hay không là vi phạm thủ tục tố tụng.

Về nội dung : Anh S và chị T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên chỉ là mâu thuẫn nhỏ , hai bên vẫn ăn chung , ở chung , do vậy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng còn có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S , không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T . Về con chung , tài sản chung : không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng : căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện hồi 10h30 ngày 22/8/2018 Toà án cấp sơ thẩm tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 720/19.7.2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62 ngày 8/8/2018 cho anh Vũ Tiến S. Và ngay sau đó ngày 23/8/2018 Toà án cấp sơ thẩm mở phiên toà lần thứ 1. Tại Biên bản giao nhận văn bản ngày 28/7/2018 cơ quan Thừa phát lại giao Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 24/7/2018 cho anh Vũ Tiến S thông qua bà Phan thị Tuyến (mẹ) (Tại phiên toà phúc thẩm anh S , chị T thừa nhận bà Tuyến không phải là mẹ đẻ của anh S), ngày 31/7/2018 Toà án cấp sơ thẩm giao Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 31/7/2018 cho anh Vũ Tiến S thông qua chị Nguyễn Thu T (tống đạt nguyên đơn nhận hộ văn bản tố tụng cho bị đơn khi quyền lợi hai bên đối ngược nhau) là không khách quan, không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thấy rằng việc Toà án cấp sơ thẩm không kiểm tra việc anh S có nhận được các văn bản tố tụng của Toà án hay không, và việc tống đạt các văn bản tố tụng của của Toà án cấp sơ thẩm có thiếu sót do vậy việc anh S cho rằng không nhận được các Thông báo của Toà án nên không biết để tham gia các phiên hoà giải của Toà án là có căn cứ.

- Về quan hệ hôn nhân : Anh Vũ Tiến S và chị Nguyễn Thu T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 6 năm 2007 tại UBND phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại số 5, ngõ 94, phố Ngọc Hà, phường Đội Cấn, quận Ba Đình.

Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân gia đình " *vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu , tôn trọng , quan tâm ,chăm sóc giúp đỡ nhau ... có nghĩa vụ chung sống với nhau* "

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án , lời thừa nhận của anh S chị T thể hiện trong suốt thời gian qua và đặc biệt là từ khi Toà án cấp sơ thẩm xét xử đến nay , anh chị vẫn sống chung một nhà , vẫn ăn chung , ngày lễ vẫn vợ chồng và các con đi chơi dã ngoại với nhau , kinh tế chung điều đó thể hiện anh chị vẫn quan tâm chăm sóc lẫn nhau , hai bên vẫn thực hiện nghĩa vụ của người vợ người chồng đối với nhau trong cuộc sống. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và đang được hai bên tích cực hàn gắn, do vậy nguyện vọng xin đoàn tụ của anh S là có căn cứ để chấp nhận, vì vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của anh S , không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại phiên toà chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng , nhưng không có chứng cứ chứng minh, do vậy không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung, tài sản chung : do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T nên Toà án không giải quyết .

- Về án phí : Chị T phải chịu án phí sơ thẩm , anh S không phải chịu án phí phúc thẩm .

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 26 , khoản 5 điều 27 , khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quôc Hội quy dịnh về mức thu, miễn, giảm,thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án

QUYẾT ĐỊNH

Xử :

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Tiến S.

- *Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2018/ HNGĐ – ST, ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình và quyết định như sau :*

1/ Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thu T đối với anh Vũ Tiến S .

- Về con chung, tài sản chung : do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, nên Toà án không giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8566 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình. Anh Vũ Tiến S không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại anh S số tiền 300.000đ nộp tại biên lai thu số 5010 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 15/1/2018.

Nơi nhận:
- TAND Quận Ba Đình.
- VKSND TP Hà nội .
- Đương sự.
- Lưu.Nơi ĐKKH

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Về con chung, tài sản chung : do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, nên Toà án không giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8566 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình. Anh Vũ Tiến S không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại anh S số tiền 300.000đ nộp tại biên lai thu số 5010 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 15/1/2018.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**